

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường.

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Ninh Thị Khánh Tân - thư ký
TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị
Hồng Nhung - kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2020, tại Trụ sở TAND thành phố Thanh Hóa - tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2020/QĐXX-ST ngày 05/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83 ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lục Thị T, sinh 1978, có mặt.

Bị đơn: anh Dương Khắc M, sinh 1976, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn 3, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lục Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Dương Khắc M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17/7/2013 tại UBND xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói

chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xích mích, cãi cọ lẫn nhau. Anh M thường chửi bới, xúc phạm đến nhân phẩm của chị và gia đình chị dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, luôn nặng nề căng thẳng. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, góp ý, bản thân anh chị cũng cố gắng hết sức nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra, ngày càng nghiêm trọng hơn nên từ đầu năm 2019 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã dành nhiều thời gian cho vợ chồng hàn gắn, hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con: quá trình chung sống, chị và anh M có 01 con chung là cháu Dương Huyền A - sinh ngày 28/5/2014. Nguyên vọng của chị khi ly hôn là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huyền A, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Dương Khắc M trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Lục Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, dàn xếp, anh chị cũng cố gắng hết sức nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, nên từ tháng 6/2019 đến nay anh chị sống ly thân. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm anh dành cho chị T vẫn còn và thương con còn nhỏ nên mong muốn được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con nên không đồng ý ly hôn.

Về con: quá trình chung sống, anh và chị T có 01 con chung là cháu Dương Huyền A, sinh 28/5/2014. Nếu phải ly hôn thì anh cũng đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của chị T, anh M do địa phương cung cấp, thể hiện: quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân và thời gian cụ thể địa phương không nắm rõ; tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ năm 2019 đến nay chị T đưa con đến nơi khác sinh sống, không sống cùng anh M tại địa phương nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa:

Về việc tuân theo pháp luật: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Lục Thị T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Dương Khắc M, có địa chỉ cư trú tại thôn 3, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nên là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Dương Khắc M đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: chị Lục Thị T và anh Dương Khắc M kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 17/7/2013 được UBND xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra bất hòa, xích mích, cãi cọ lẫn nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải, bản thân anh chị cũng nỗ lực cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, dẫn đến việc sống ly thân nhau, không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Anh M xác định tình cảm anh dành cho chị T vẫn còn và thương con còn nhỏ nên anh muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải nhiều lần, dành nhiều thời gian nhưng anh chị không có biện pháp hàn

gắn quan hệ vợ chồng. Qua xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị tại địa phương, thể hiện: quá trình chung sống chị T và anh M thực tế có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay chị T cùng con đã đến nơi khác sinh sống, không còn chung sống cùng anh M nữa.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M xảy ra đã lâu, mức độ đã trầm trọng, đã sống ly thân nhau nên thực tế tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh M là có căn cứ.

[2.2] Về con: quá trình chung sống, chị Lục Thị T và anh Dương Khắc M có 01 con chung là cháu Dương Huyền A - sinh ngày 28/5/2014. Chị T có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huyền A, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh M cũng thống nhất nếu phải ly hôn thì để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị T muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng, anh M cũng thống nhất với ý kiến của chị T về việc nuôi dưỡng con chung, nên giao cháu Dương Huyền A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn cho đến khi cháu Huyền A đủ 18 tuổi.

Anh M là người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản, công nợ: chị T và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lục Thị T.

- Về hôn nhân: chị Lục Thị T được ly hôn anh Dương Khắc M.

- Về con chung: chị Lục Thị T và anh Dương Khắc M có 01 con chung là cháu Dương Huyền A, sinh ngày 28/5/2014. Giao cháu Dương Huyền A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu Huyền A đủ 18 tuổi.

Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: chị Lục Thị T và anh Dương Khắc M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Lục Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000973 ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Dương Khắc M phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: chị Lục Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Khắc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự TP Thanh Hóa;
- UBND xã T, TPTH;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hà